

Sa nhân
Thao qua
Tiêu hồi
Đại hồi
Tiêu lột
Trần bì

2.5. Chồng nác :

Đinh hương
Sa nhân
Tài quả hồng (Thị đế)

2.6. Hóc xương :

Cây Bống nước (hạt, lá)

2.7. Say rượu :

Bạch đậu khấu
Hồng đậu khấu
Đậu ván trắng
Sắn dây (củ, hoa)

2.8. Rắn cắn :

Cu gió
Bây lá một hoa
Đơn kim
Mã đề (củ cây)
Thài lài

2.9. Thuốc thông khiếu, chữa hôn mê, ngất sùi, trúng phong, cảm khâu :

Bồ kết (quả)
Cánh kiến trắng (An tức hương)
Long não
Ngưu bàng (rễ)
Tế tân
Thạch xương bồ
Thăng ma
Thiên trúc hoàng
Uy linh tiên

2.10. Người bị thoát dương (lạnh giá, thoát hết mồ hôi, kiệt sức) :

Phụ tử
Quế nhục

2.11. Thuốc cầm máu :

Bạch cập

Cỏ hàn the
Cỏ nhọ nôi
Dành dành (quả)
Đại kế
Địa du
Kinh giới
Hồ (hoa)
Huyết dụ
Huyết kiệt
Long nha thảo
Lựu (vỏ quả)
Mào gà trắng (hạt cây)
Mơ muối, ô mai
Ngải cứu
Nhi trà
Sen (hoa, lá, ngổ gương)
Sinh địa
Tam thất
Rau sam
Tiểu kế
Thiến thảo
Thóc lép (cây)
Thục địa
Xích thực
Xơ mướp
Tiết dê (cây)

2.12. Chấn thương (ngã, đòn phân mềm) :

Bống nước
Bông bong
Cỏ hàn the
Dành dành (quả)
Đại kế
Đào nhân
Đơn châu chấu
Đương quy
Gỗ vang (Tô mộc)
Cỏ the
Thồm lồm
Huyết giác
Huyết kiệt
Lan thuy tiên
Long nha thảo
Mọ quạ (cây)